TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 30 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 và 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Văn Q.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn Q thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Trần Trường G, sinh ngày 14/8/2018 cho chị Phạm Thị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Trần Văn Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ; thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Chị Phạm Thị T phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012921 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Phạm Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Anh Trần văn Q phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
-VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND, Chi cục THADS huyện B;
-UBND xã L, huyện B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường